

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THUẬN
TỈNH KIÊN GIANG**

Bản án số: 37/2017/HSST
Ngày: 24-11-2017

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Nhung - Phó hiệu trưởng Trường THPT Vĩnh Thuận.
2. Bà Nguyễn Thị Diên - Phó trưởng phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện Vĩnh Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Chúc Phương- Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa: Ông Cao Thế Lĩnh- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2017, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số: 35/2017/HSST ngày 27 tháng 10 năm 2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Thanh T, sinh năm 1982; HKTT và cư trú: ấp T, xã T, huyện Th, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: làm ruộng; Trình độ văn hóa: 8/12; Dân tộc: kinh; Con ông Nguyễn Văn K (đã chết) và bà Nguyễn Thị M; Tiền án: 01 (ngày 03/5/2017 bị Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; tiền sự: chưa; Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 28/8/2017 và chuyển tạm giam cho đến nay; Hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Vĩnh Thuận; có mặt

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Phan Thanh T, cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Kiên Giang; có mặt

Người bị hại:

1/ Lê Văn H, sinh năm 1978; địa chỉ: ấp D, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang; có đơn xin vắng mặt

2/ Nguyễn Phát T, sinh năm 1993; địa chỉ: ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang; có mặt

Nguyên đơn dân sự: Lại Văn N, sinh năm 1983; địa chỉ: ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Kiên Giang; có mặt

Người làm chứng:

1/ Trần Quốc T, sinh năm 1988; địa chỉ: ấp M, xã T, huyện Th, tỉnh Kiên Giang; vắng mặt

2/ Bùi Thị L, sinh năm 1982; địa chỉ: ấp 14, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Nguyễn Thanh T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận truy tố về hành vi như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 27/8/2017, Nguyễn Thanh T đến địa bàn xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang tìm tài sản để lấy trộm. Khi đi đến đoạn lộ thuộc 7000 ấp K 3, xã T, huyện T thì phát hiện nhà của ông Trần Văn O có xe để trước hành lang nhà, cổng rào bên hông nhà không khóa, T lén lút vào dẫn chiếc xe Honda, loại wave RSX, màu xanh trắng biển kiểm soát 68N1-083.78 của anh Nguyễn Phát T (ngụ ấp K, xã T, huyện T) gửi nhà ông O rồi đi về hướng 8000 K qua 8000 D thuộc ấp M, xã T, huyện Th, tỉnh Kiên Giang để đem đi tiêu thụ thì bị người dân phát hiện trình báo với Công an. Tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Thuận T đã thừa nhận toàn bộ hành vi nêu trên.

Ngoài ra, Nguyễn Thanh T còn khai nhận: Trước đó, do không có tiền tiêu xài nên T đến địa bàn xã T, huyện T tìm tài sản lấy trộm bán. Khoảng 02 giờ ngày 13/8/2017 T phát hiện nhà anh Lê Văn H có xe Honda loại Future màu vàng-đen- xám biển kiểm soát 68N1-023.42 của anh H để cặp hông nhà không ai trong giữ nên T lén lút vào dẫn xe ra lộ và dẫn đến tiệm sửa xe của vợ chồng chị Bùi Thị L (ngụ ấp 14, xã T) T kêu sửa xe (mục đích là mở khóa xe vừa trộm) nhưng không có chồng chị L ở nhà, lúc này T thấy xe của khách gửi sửa dựng trong tiệm có gắn chìa khóa nên T lấy chìa khóa gắn vào ổ khóa xe mình vừa trộm được mở khóa, do ổ khóa xe anh H bị lỏng nên mở được và khởi động xe T điều khiển đến thị trấn L, huyện T, tỉnh Kiên Giang để tìm người bán xe, sau đó T bán xe cho anh Lại Văn N chạy xe ôm tại thị trấn L với giá 11.000.000 đồng T lấy tiền tiêu xài hết. Đến ngày 29/8/2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Thuận mời N về làm việc thì N biết xe mua là do T trộm cắp mà có nên tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra.

Tại kết luận định giá tài sản số: 18/HĐĐGTS ngày 28/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện Vĩnh Thuận kết luận về giá trị tài sản tại thời điểm

tháng 8/2017 như sau: chiếc xe Honda, loại wave RSX, màu xanh - trắng có giá trị còn lại là 14.700.000đ.

Tại kết luận định giá tài sản số: 19/HĐĐGTS ngày 07/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện Vĩnh Thuận kết luận về giá trị tài sản tại thời điểm tháng 8/2017 như sau: 01 (một) xe Honda loại Future màu sơn vàng - đen - xám có giá trị còn lại là 15.700.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 36/KSĐT-KT ngày 26/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận đã truy tố bị cáo Nguyễn Thanh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên: Đề nghị tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T từ 24 đến 30 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại Nguyễn Phát T, Lê Văn H đã nhận lại tài sản không yêu cầu gì thêm nên Viện kiểm sát không đề nghị. Nguyên đơn dân sự Lại Văn N yêu cầu bị cáo trả lại số tiền anh đã mua xe từ bị cáo là 11.000.000đ, bị cáo đồng ý trả nên đề nghị HĐXX áp dụng Điều 42 của Bộ luật Hình sự buộc bị cáo bồi thường số tiền trên cho anh N.

- Người bào chữa cho bị cáo thống nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, việc truy tố, xét xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” là đúng theo quy định pháp luật. Tuy nhiên xét về hành động của bị cáo là nhất thời thiếu suy nghĩ, bị cáo là lao động chính trong gia đình, còn một mẹ già và một con nhỏ, do cần tiền để lo cho gia đình mà bị cáo dấn thân vào con đường phạm tội; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành thật khai báo năn năn hối cải. Do đó, đề nghị HĐXX xem đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, cho bị cáo được nhận mức án thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

- Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố, không tranh luận gì thêm, bị cáo đồng ý trả lại số tiền 11.000.000đ cho anh N nhưng hiện nay bị cáo không khả năng trả, khi nào chấp hành án xong đi làm có tiền bị cáo sẽ trả cho anh N, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Người bị hại Nguyễn Phát T, không yêu cầu bồi thường gì thêm, yêu cầu xử lý bị cáo theo quy định pháp luật.

- Nguyên đơn dân sự Lại Văn N yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 11.000.000đ, số tiền mà anh đã trả cho bị cáo để mua chiếc xe bị cáo trộm được.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thanh T đã khai nhận: Với mục đích tìm tài sản để trộm nên vào khoảng 02 giờ ngày 13/8/2017 phát hiện xe máy hiệu Hon da, loại Future, màu vàng - xám - đen, biển số 68 N1 - 023.42 của anh Lê Văn H ngụ ấp D, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang đang đậu cặp hong nhà không ai trong giữ, T lén lút vào dẫn xe ra lộ và tìm cách mở ổ khóa xe. Sau khi mở được ổ khóa T chạy lên thị trấn L để bán cho anh Lại Văn N với số tiền 11.000.000đ. Đến ngày 27/8/2017 cũng với mục đích tìm xe máy để trộm, T đi đến đoạn 7000 thuộc ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang thì phát hiện xe máy hiệu honda, loại Wave RSX, màu sơn xanh - trắng biển số 68N1 - 083.78 của anh Nguyễn Phát T đậu trước nhà ông Trần Văn O, T lén lút vào dẫn trộm và dẫn bộ đi về hướng 8000 K qua 8000 Kinh D để tiêu thụ thì bị người dân phát hiện. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đủ cơ sở để kết luận: Với mục đích chiếm đoạt tài sản, lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản, bị cáo đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt xe máy của người bị hại để bán tiêu xài cá nhân. Hành vi của bị cáo được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Khi thực hiện hành vi bị cáo đủ năng lực pháp luật chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội mà mình đã gây ra. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt có giá trị 30.400.000đ. Do đó, hành vi của bị cáo T đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

Khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự quy định:

“Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”

[2] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây

tâm lý hoang mang và dư luận xấu trong quần chúng nhân dân, làm mất trật tự trị an tại địa phương. Vào ngày 03/5/2017 bị cáo đã bị Tòa án nhân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xử phạt 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, chấp hành xong ngày 03/7/2017, tiếp tục từ ngày 13/8/2017 đến ngày 27/8/2017 bị cáo đã thực hiện 02 lần trộm cắp tài sản, hành vi này là phạm tội do cố ý nên bị cáo phải chịu tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự là phạm tội nhiều lần và tái phạm. Do đó, Hội đồng xét xử nghĩ nên có mức án tương xứng với hành vi phạm tội nhằm giáo dục, răn đe, phòng ngừa chung.

[3] Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; mẹ bị cáo là người có công với cách mạng. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 và điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4] Qua phân tích Hội đồng xét xử thấy cần phải tách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, buộc bị cáo chấp hành hình phạt tại trại giam một thời gian để Nhà nước cải tạo, giáo dục là phù hợp.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nguyên đơn dân sự anh Lại Văn N yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 11.000.000đ; bị cáo đồng ý trả nên HĐXX ghi nhận.

[6] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định pháp luật. Án phí dân sự sơ thẩm bị cáo phải chịu là $11.000.000đ \times 5\% = 550.000đ$.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thanh T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T 02 năm tù, tính kể từ ngày 28/8/2017.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 của Bộ luật Hình sự. Buộc bị cáo Nguyễn Thanh T trả cho anh Lại Văn N số tiền 11.000.000đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền

hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 6; Điều 23; 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn Thanh T chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 550.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng là 750.000đ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

4. Bị cáo, người bị hại, nguyên đơn dân sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Nguyên đơn dân sự;
- UBND xã T, Th;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- CA huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- Tòa án tỉnh Kiên Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- Phòng (PV27) CA tỉnh KG;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Vũ